

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 09/6/2019

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT001	Lê Nam	Anh	16/10/1995	Bắc Giang	8,7	5,0	Đạt	
2	CNTT002	Trần Đức	Anh	15/4/1997	Hà Nội	4,5	1,5	Không đạt	
3	CNTT003	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	22/9/1998	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
4	CNTT004	Nguyễn Văn	Ân	25/02/1979	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	
5	CNTT005	Nông Thị	Biên	20/6/1987	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
6	CNTT006	Phạm Văn	Chiến	06/6/1991	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
7	CNTT007	Dương Thị Thùy	Chinh	19/12/1998	Bắc Giang	7,7	3,0	Không đạt	
8	CNTT008	Nguyễn Văn	Chuyên	28/7/1981	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	
9	CNTT009	Nguyễn Văn	Cường	12/12/1997	Bắc Giang	6,0	4,0	Không đạt	
10	CNTT010	Nguyễn Văn	Doanh	25/6/1996	Bắc Giang	6,2	7,0	Đạt	
11	CNTT011	Trần Văn	Duy	11/7/1993	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	
12	CNTT012	Triệu Đàm	Duy	09/3/1992	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	
13	CNTT013	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	18/10/1998	Bắc Giang	8,5	8,0	Đạt	
14	CNTT014	Trần Đức	Đông	28/10/1990	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
15	CNTT015	Cao Hải	Đức	12/7/1993	Nghệ An	7,0	5,0	Đạt	
16	CNTT016	Lương Ngọc	Đức	10/12/1976	Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	
17	CNTT017	Hoàng Thị	Giang	17/9/1994	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
18	CNTT018	Nguyễn Thị Hà	Giang	15/12/1993	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	
19	CNTT019	Nguyễn Mạnh	Hà	19/7/1980	Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
20	CNTT020	Nguyễn Văn	Hà	15/10/1975	Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	
21	CNTT021	Hoàng Thị	Hiền	29/12/1997	Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	
22	CNTT022	Hoàng Thị	Hiền	24/4/1990	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	
23	CNTT023	Nguyễn Thu	Hiền	24/10/1998	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
24	CNTT024	Nguyễn Thị	Hiện	03/02/1968	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	
25	CNTT025	Nguyễn Thị	Hoa	02/10/1997	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
26	CNTT026	Nguyễn Thị	Hồng	21/11/1994	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
27	CNTT027	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/1998	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
28	CNTT028	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/1988	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	
29	CNTT029	Tạ Văn	Hùng	10/8/1973	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
30	CNTT030	Nguyễn Văn	Hưng	17/10/1980	Bắc Giang	8,7	7,0	Đạt	
31	CNTT031	Nông Thị	Hương	27/10/1992	Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	
32	CNTT032	Thân Thị Lan	Hương	28/01/1994	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
33	CNTT033	Nông Hoài	Khanh	26/10/1998	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
34	CNTT034	Dương Thị	Khánh	12/9/1997	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	
35	CNTT035	Nguyễn Thị Bích	Lành	11/8/1998	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	
36	CNTT036	Phạm Thảo	Ly	24/5/1996	Bắc Giang	7,0	5,0	Đạt	
37	CNTT037	Lê Văn	Mạnh	26/10/1996	Bắc Giang	7,7	5,0	Đạt	
38	CNTT038	Toàn Thị	Mận	02/02/1993	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	
39	CNTT039	Bùi Thị Hoàng	Minh	01/02/1991	Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	
40	CNTT040	Nguyễn Viết	Nam	25/6/1997	Hải Dương	5,7	1,5	Không đạt	
41	CNTT041	Tô Thị	Năm	13/10/1974	Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	
42	CNTT042	Ninh Thị Thu	Nga	09/11/1993	Bắc Giang	7,2	7,5	Đạt	
43	CNTT043	Dương Văn	Ngân	05/11/1970	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	
44	CNTT044	Lê Thị	Ngoan	25/01/1998	Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	
45	CNTT045	Ngô Thị Ánh	Ngọc	02/8/1992	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	
46	CNTT046	Nguyễn Thị	Ngọc	20/9/1998	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	
47	CNTT047	Nông Thị	Ngọc	22/11/1996	Yên Bái	5,5	6,5	Đạt	
48	CNTT048	Cam Thị	Nhất	26/11/1996	Bắc Giang	5,0	6,0	Đạt	
49	CNTT049	Nguyễn Minh	Phương	04/3/1993	Thái Nguyên	6,0	7,0	Đạt	
50	CNTT050	Nguyễn Văn	Sơn	07/7/1995	Nghệ An	8,0	6,5	Đạt	
51	CNTT051	Giáp Thị	Sự	13/11/1981	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
52	CNTT052	Phạm Văn	Tạo	01/01/1974	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
53	CNTT053	Trịnh Huy	Thân	19/7/1978	Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	
54	CNTT054	Chu Thị	Thơm	10/6/1998	Bắc Giang	5,0	6,5	Đạt	
55	CNTT055	Dương Thị	Thu	15/9/1994	Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
56	CNTT056	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/8/1995	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	
57	CNTT057	Đình Quang	Thực	08/02/1979	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
58	CNTT058	Vũ Thị Ánh	Thương	21/01/1983	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	
59	CNTT059	Dương Đức	Tiến	27/10/1990	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
60	CNTT060	Giáp Thị Huyền	Trang	04/9/1997	Bắc Giang	5,5	6,0	Đạt	
61	CNTT061	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/10/1998	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	
62	CNTT062	Trần Thị	Tuyết	20/5/1995	Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	
63	CNTT063	Tạ Văn	Tùng	04/01/1996	Bắc Giang	5,0	1,5	Không đạt	
64	CNTT064	Khổng Thu	Uyên	20/01/1996	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
65	CNTT065	Lê Thị Thúy	An	10/8/1992	Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	
66	CNTT066	Giáp Thị Ngọc	Bích	07/7/1997	Bắc Giang	7,7	8,5	Đạt	
67	CNTT067	Hà Thị	Chung	07/6/1985	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	
68	CNTT068	Đặng Thị Bạch	Cúc	02/6/1997	Bắc Giang	6,7	8,0	Đạt	
69	CNTT069	Nguyễn Thị	Diễm	16/6/1995	Bắc Giang	6,7	7,5	Đạt	
70	CNTT070	Giáp Thị	Dung	10/6/1982	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
71	CNTT071	Hoàng Thị Thùy	Dung	25/12/1995	Bắc Giang	6,5	7,5	Đạt	
72	CNTT072	Bùi Văn	Đủ	20/11/1973	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
73	CNTT073	Nguyễn Văn	Được	05/9/1975	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
74	CNTT074	Nguyễn Thị	Giang	25/02/1995	Bắc Giang	7,0	8,0	Đạt	
75	CNTT075	Nguyễn Thị	Hà	16/10/1986	Bắc Giang	8,0	6,5	Đạt	
76	CNTT076	Nguyễn Thị	Hải	14/9/1993	Bắc Giang	6,0	7,5	Đạt	
77	CNTT077	Nguyễn Trung	Hải	30/4/1977	Bắc Giang	6,2	7,5	Đạt	
78	CNTT078	Phan Thị Mai	Hạnh	16/5/1979	Bắc Giang	5,7	7,0	Đạt	
79	CNTT079	Ngô Thị Thanh	Hằng	10/7/1995	Bắc Giang	5,7	6,0	Đạt	
80	CNTT080	Thân Thị Thu	Hằng	19/9/1992	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	
81	CNTT081	Giáp Thị	Hiền	29/8/1991	Bắc Giang	6,5	8,0	Đạt	
82	CNTT082	Hoàng Thị	Hiền	04/11/1990	Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	
83	CNTT083	Giáp Văn	Hiệu	15/02/1978	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
84	CNTT084	Lại Thị	Hoa	16/4/1992	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	
85	CNTT085	Nguyễn Thị	Hoa	08/01/1995	Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
86	CNTT086	Hoàng Thị	Hoà	25/8/1997	Bắc Giang	5,7	7,0	Đạt	
87	CNTT087	Hoàng Thị	Hòa	10/4/1993	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
88	CNTT088	Hà Thị	Hợp	04/6/1969	Bắc Giang	5,7	6,5	Đạt	
89	CNTT089	Diệp Thị	Huyền	29/9/1996	Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	
90	CNTT090	Nguyễn Thị	Huyền	25/7/1987	Tuyên Quang	6,0	7,0	Đạt	
91	CNTT091	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/8/1982	Bắc Giang	5,5	7,0	Đạt	
92	CNTT092	Dương Thị	Hường	21/5/1994	Bắc Giang	6,7	7,5	Đạt	
93	CNTT093	Nguyễn Thị	Kiều	26/10/1995	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
94	CNTT094	Vì Thị	Lập	15/4/1997	Bắc Giang	6,0	8,0	Đạt	
95	CNTT095	Đào Thị Hồng	Lê	28/01/1991	Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	
96	CNTT096	Lê Thị	Lệ	09/11/1996	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
97	CNTT097	Nguyễn Thị	Liên	21/5/1994	Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
98	CNTT098	Nguyễn Tiến	Linh	03/12/1984	Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	
99	CNTT099	Nguyễn Thị	Mai	18/4/1996	Hà Nội	6,2	5,0	Đạt	
100	CNTT100	Trương Thị	Ngân	02/11/1982	Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	
101	CNTT101	Chu Thị Mỹ	Nguyên	30/10/1976	Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	
102	CNTT102	Nông Thị	Nguyệt	26/01/1997	Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	
103	CNTT103	Kiều Thị	Nhàn	18/9/1988	Bắc Giang	5,2	6,0	Đạt	
104	CNTT104	Nông Thị	Nở	17/5/1983	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
105	CNTT105	Tăng Thị	Quy	08/9/1995	Thái Nguyên	6,2	7,5	Đạt	
106	CNTT106	Nguyễn Quý	Thanh	01/02/1968	Bắc Giang	5,7	5,5	Đạt	
107	CNTT107	Nông Thị Hồng	Thanh	09/11/1997	Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
108	CNTT108	Bàn Thị	Thơm	23/12/1996	Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	
109	CNTT109	Vũ Thị	Thu	13/7/1996	Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	
110	CNTT110	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/12/1997	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	
111	CNTT111	Hà Ngọc	Thúy	12/01/1995	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
112	CNTT112	Nguyễn Thị	Thùy	27/4/1991	Hưng Yên	7,0	6,5	Đạt	
113	CNTT113	Nguyễn Văn	Tuấn	05/4/1989	Bắc Giang	7,7	7,0	Đạt	
114	CNTT114	Trần Mạnh	Tuấn	20/02/1985	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
115	CNTT115	Nguyễn Văn	Túc	14/5/1996	Hà Giang	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
116	CNTT116	Nguyễn Thị Tuyền	20/8/1987	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	
117	CNTT117	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/10/1988	Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
118	CNTT118	Thân Thị Tuyết	08/10/1995	Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	
119	CNTT119	Phạm Thị Vải	25/11/1990	Hung Yên	6,5	5,0	Đạt	
120	CNTT120	Ngô Thị Vân	19/10/1989	Hung Yên	7,5	6,0	Đạt	
121	CNTT121	Phan Thị Vui	01/4/1996	Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	
122	CNTT122	Nguyễn Thị Vững	11/9/1992	Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	
123	CNTT123	Diêm Thị Yên	20/9/1994	Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	
124	CNTT124	Mông Thị Hải Yên	06/12/1991	Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
125	CNTT125	Ngô Thị Yên	06/02/1984	Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	
126	CNTT126	Trương Thị Yên	12/01/1997	Bắc Giang	5,5	6,5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 126

Số thí sinh bỏ thi: 16

Số thí sinh dự thi: 110

Số thí sinh đạt yêu cầu: 105

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 5

Bắc Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nghiêm Xuân Đạt